

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ - ST
Ngày 28 – 9 - 2017
V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.
2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:* Ông Bùi Quang Dương.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1977

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 10, thôn T, xã Đ, thành phố B , tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Phạm Tiến K, sinh năm 1978

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 10, thôn T, xã Đ, thành phố B , tỉnh Thái Bình.

(Chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/7/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị C trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B.

Quá trình vợ chồng chung sống, hạnh phúc được một thời gian ngắn, anh K ham mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình thậm chí anh K còn nghiện ma túy, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Đến ngày 21/01/2013 âm lịch (khoảng tháng 3 năm 2013 dương lịch) chị đã đưa con về nhà bố mẹ để ở cùng thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình xảy ra mâu thuẫn, chị cũng cho anh K thời gian để xem xét và rút kinh nghiệm những thiếu sót của mình, nhưng anh K vẫn không thay đổi, nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Nay chị C xét thấy không còn tình cảm với anh K, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tiến K, việc ly hôn chị đã suy nghĩ và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh K có hai con chung là Phạm Tiến A sinh ngày 06/5/1999 và Phạm Thị Mai A, sinh ngày 17/5/2008. Hiện nay con Phạm Tiến A đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, phát triển bình thường, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Phạm Thị Mai A và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị C hiện làm công nhân ở công ty AIDI khu B, Khu công nghiệp Gia Lễ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình, mức thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về tài sản: Quá trình chung sống chị và anh K không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung và không nợ ai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Phạm Tiến K trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn giữa anh và chị C thống nhất như chị C đã trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng, theo anh, là do anh làm ăn thất bại dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cãi nhau, do chán nản nên anh không chịu khó làm ăn. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm là vào ngày 21/01/2013 (âm lịch) anh có mắng chị C nên chị C đã đưa hai con về nhà bố mẹ vợ để ở tại Xóm 10, thôn T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình sinh sống từ đó đến nay. Từ khi chị C và hai con về nhà ngoại sống, anh và chị C sống ly thân, anh cũng chưa đến tìm vợ và con về lần nào mà chỉ viết thư, nhắn tin gửi cho con gái.

Mâu thuẫn của anh chị hai bên gia đình đều biết và gia đình anh cũng đã phân tích, hòa giải nhưng chị C cố chấp nên không có kết quả.

Nay chị Phạm Thị C có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy bản thân vẫn còn nhiều

tình cảm với vợ, hơn nữa muốn các con có đủ cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung như chị C trình bày là đúng. Hiện con Phạm Tiến A đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và đã làm công nhân tại Nhà máy may Đức Giang, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với con Phạm Tiến Anh. Anh có nguyện vọng được nuôi con Phạm Thị Mai A và không yêu cầu chị Phạm Thị C phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh làm xây dựng, điện nước nhưng công việc không đều, thu nhập cũng bấp bênh, tháng nhiều bù tháng ít thu nhập bình quân của anh là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị C không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung cũng không vay nợ ai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bà Phạm Thị Hiến, mẹ của anh Phạm Tiến K cho biết: Anh K và chị C kết hôn vào 28/10/1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B. Vợ chồng chị C, anh K sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K làm ăn thua lỗ nên chán nản không chí thú làm ăn sinh ra chơi bời. Tháng 3/2013 mâu thuẫn giữa chị C và anh K căng thẳng nên chị C đã mang theo hai con về sống cùng bố mẹ đẻ ở cùng thôn T, xã Đ, thành phố B. Chị C, anh K sống ly thân từ đó đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng chị C, anh K hai gia đình đều biết và đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, nay chị C xin ly hôn bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị C và anh K có hai con chung là Phạm Tiến A sinh ngày 06/5/1999 và Phạm Thị Mai A, sinh ngày 17/5/2008. Cháu Phạm Tiến A đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, phát triển bình thường, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà không có ý kiến gì. Đối với cháu Phạm Thị Mai A, bà đề nghị Tòa án giải quyết trên cơ sở nguyện vọng của cháu Mai A.

Về tài sản chung: Chị C và anh K không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung cũng không vay nợ ai chung nên bà không có đề nghị gì.

Xác minh tại chính quyền địa phương, nơi chị C anh K cư trú thể hiện: Anh Phạm Tiến K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã Đ, thành phố B, anh K thường xuyên có mặt tại nơi cư trú. Chị C và anh K kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B ngày 28/10/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K không chịu khó làm ăn, có sử dụng ma túy. Đến năm 2013 chị C cùng hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị C ở cùng thôn T, xã Đ, thành phố B sinh sống và ly thân với anh K từ đó đến nay. Vợ chồng chị C, anh K khó có khả năng đoàn tụ.

Chị C và anh K có hai con chung là Phạm Tiến A sinh ngày 06/5/1999 và Phạm Thị Mai A , sinh ngày 17/5/2008, Cháu Phạm Tiến A đã thành niên nên địa phương không có đề nghị gì, cháu Phạm Thị Mai A chưa thành niên nên giao con cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp vì hiện nay chị C đang làm công nhân, thu nhập đều, anh K công việc bấp bênh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và bản tự khai tại Tòa nhưng bị đơn không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa xét xử không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Phạm Tiến K. Về con chung: Áp dụng Điều, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Giao con chung là Phạm Thị Mai A , sinh ngày 17/5/2008 cho chị Phạm Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Phạm Tiến K chỉ gửi cho Tòa án ý kiến về việc xin ly hôn của chị C và có mặt tại Tòa để làm bản tự khai mà không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Phạm Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm

a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chị Phạm Thị C và anh Phạm Tiến K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K làm ăn thất bại sinh ra chán nản không chịu khó làm ăn, mắc nghiện ma túy. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C và anh K đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không giải quyết được. Từ tháng 03/2013 chị C và anh K sống ly thân mỗi người một nơi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C và anh K là có thật và đã kéo dài, ở mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Phạm Tiến K.

Về quan hệ con chung: Chị C và anh K có hai con chung là Phạm Tiến A sinh ngày 06/5/1999 và Phạm Thị Mai A, sinh ngày 17/5/2008. Cháu Phạm Tiến A đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm thể chất, tâm thần, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Cháu Phạm Thị Mai A là con gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, thực tế hiện nay cháu đang ở với mẹ là chị C và chị C đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Phạm Thị Mai A, sinh ngày 17/5/2008 cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

Về quan hệ tài sản: Chị C và anh K đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, Điều 227, Điều 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Phạm Tiến K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Thị Mai A , sinh ngày 17/5/2008 cho chị Phạm Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh K và chị C có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị C anh K không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị C đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0006588 ngày 01 tháng 8 năm 2017 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị C, anh Phạm Tiến K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND xã Đ, TP Thái Bình;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền